

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM-PT

Ngày: 21/4/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Sớm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Quang

Ông Đỗ Văn Hiên

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 03 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 07/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng L; địa chỉ: số A đường B, khu Đô thị M, quận T, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình H- Giám đốc Ngân hàng L, chi nhánh C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số E, đường K, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A; cùng địa chỉ: số G, đường Đ, tổ I, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình H trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: LAV - 201400852/HĐTD ngày 30/9/2014, Ngân hàng L đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay về mua bán hàng bột mì các loại. Lãi suất cho vay thỏa thuận 10,00%/ năm (có điều chỉnh tăng, giảm lãi suất theo thời điểm). Thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 30 tháng 9 năm 2015.

Để bảo đảm trả nợ cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A dùng tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng tín dụng số 201200316 HĐTD ngày 23/5/2012 tại ngân hàng L- Chi nhánh C Gia Lai, gồm những tài sản sau:

- Nhà ở và đất tại số nhà G đường Đ, tổ I, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai là quyền sử dụng đất với diện tích là 110 m² và nhà ở cấp 3B diện tích xây dựng 110m², diện tích sử dụng 149,30m², thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 09, đã được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 60301030715 ngày 21/7/2003 cho chủ sở hữu và sử dụng đất ở là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3024/TC ngày 23/5/2012 giữa Ngân hàng L - Chi nhánh C Gia Lai với ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ ông N và bà Trần Thị Kim A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn Văn N phải liên đới trả hết toàn bộ số nợ gốc 1.200.000.000đ và nợ lãi tính đến hết ngày 05/01/2017 là 353.500.000đ; tổng cộng nợ gốc và lãi mà bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn Văn N phải là 1.553.500.000đ. Nếu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A không trả số tiền 1.553.500.000đ cho Ngân hàng L, thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3024/TC ngày 23/5/2012, giữa Ngân hàng L - Chi nhánh C Gia Lai với ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A trình bày:

Ngày 23/5/2012, tôi có vay của Ngân hàng L - Chi nhánh C số tiền 1.200.000.000đ. Nhưng do trước đó tôi có vay của Ngân hàng Z 1.000.000.000đ để đưa cho ông Hoàng S (Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng U Gia Lai) mượn với tổng số tiền là 2.350.000.000đ kèm theo 02 giấy nhận nợ. Tòa án nhân dân thành phố P phong tỏa tài sản trái pháp luật của tôi với 1 vụ án khác. Vậy đến nay tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do Tòa án làm sai quy định, trái pháp luật, phong tỏa tài sản trái pháp luật của tôi. Tôi đề nghị Tòa án xem xét hủy 02 quyết định phong tỏa trên và cho tôi thời gian bán nhà trả nợ.

Tháng 5/2012 vợ chồng tôi có vay của Ngân hàng Z -Chi nhánh X số tiền 1.000.000.000đ. Tòa án nhân dân thành phố P phong tỏa tài sản nên Ngân hàng Z - Chi nhánh X không cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A vay lại. Ngày 30/4/2014, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A đến Ngân hàng L – Chi nhánh C vay số tiền 1.200.000.000đ về mua bán hàng bột mì. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố P ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A dẫn đến ông bà không bán được nhà để trả nợ cho Ngân hàng. Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A công nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng L số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ và lãi suất từ ngày 30/9/2014 đến nay. Vì hoàn cảnh khó khăn nên ông bà đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào các ngày 04/3/2017 sẽ trả 300.000.000đ; ngày 04/7/2017 trả 300.000.000đ và cứ 04 tháng sau trả 300.000.000đ đến khi hết nợ. Nếu Ngân hàng tạo điều kiện thì ông bà sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng tại thời điểm nhận tiền bán nhà.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 30 và các Điều 35; 39; 144; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14; 16 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/TBTVQH14.

Căn cứ vào Điều 4 của Luật Thương mại;

Áp dụng các Điều 281; 290; 298; 351; 355; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L.

Buộc bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn Văn N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân L số tiền nợ gốc 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi tính đến hết ngày 05/01/2017 là 353.500.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng); tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 1.553.500.000đ (Một tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng L, thì Ngân hàng L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3024/TC ngày 23/5/2012, để thu hồi nợ.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của hợp đồng tín dụng theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 01 năm 2017, bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017 để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Kiểm sát viên có ý kiến: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Ngân hàng L chi nhánh C (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Agribank C) với vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A ký hợp đồng thế chấp số 3024/TC

ngày 23/5/2012. Theo hợp đồng, vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A tự nguyện thế chấp tài sản là nhà, đất thửa số 60, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại số G, đường Đ, phường F, thành phố P, tỉnh Gia Lai, với diện tích sử dụng 149,30m² để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với dư nợ vay cao nhất là 1.200.000.000đ, hợp đồng được công chứng viên phòng công chứng số 01 tỉnh Gia Lai chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P ngày 23/5/2012.

Hợp đồng thế chấp trên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ các hợp đồng tín dụng do các bên ký kết, sau khi tất toán xong hợp đồng tín dụng cũ thì các bên tiếp tục ký tiếp hợp đồng tín dụng mới. Hợp đồng tín dụng sau cùng các bên ký kết số LAV-201400852/HĐTD ngày 30/9/2014, theo đó ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A vay 1.200.000.000đ thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30/9/2014, tài sản đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 3024/TC ngày 23/5/2012. Đến hạn trả nợ và được Agribank C thông báo nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A không thực hiện, nên ngân hàng Agribank C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xác định pháp luật tranh chấp và áp dụng các điều luật tương ứng xử buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A phải thanh toán cho ngân hàng Agribank C số tiền 1.553.500.000đ (Gốc và lãi) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A về phần tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi khởi kiện Ngân hàng Agribank C đã nhiều lần gửi giấy báo cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A đến trụ sở Agribank C để giải quyết khoản nợ vay (BL 18-20) và thông báo nếu ông bà không đến thì Agribank C khởi kiện ra Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án số 22/2016/TB-TLVA ngày 07/4/2016, trên cơ sở khởi kiện của Agribank C, thì Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A cư trú để biết và có ý kiến của mình, có các văn bản tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm không thể tổng đạt trực tiếp được nên đã niêm yết nhằm thông báo cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A biết để thực hiện quyền tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A đã từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng niêm yết được xác nhận và ký tên của tổ trưởng tổ dân phố 9 và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Việc cấp, tổng đạt thông báo văn bản tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Kim A là đúng với các quy định tại Điều 171, 172, 173, 174, 177 và 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, ngày 16/8/2016 Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/9/2016 nhưng phải hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 29/9/2016 nhưng phải hoãn phiên tòa vì lý do ông Nguyễn Văn N bị bệnh. Đến ngày 26/10/2016, Agribank C có văn bản số: 137/NHNoHT-CV gửi cho Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án "... tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ngân hàng và ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Kim A thỏa thuận với nhau về phương án trả nợ và xử lý tài sản thế chấp..." Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu đề nghị của Agribank C; vậy có thể thấy bên nguyên đơn đã có nhiều thiện chí

và dành nhiều thời gian để cùng bị đơn thỏa thuận giải quyết khoản vay giữa các bên, đã dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Mặt khác, trong quá trình tham gia tố tụng ban đầu, phía nguyên đơn ngân hàng Agribank C có ông Đào Thanh V- Giám đốc chi nhánh làm đại diện ông V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện nguyên đơn, nhưng sau đó ông V được điều động nhận công tác khác và ông Lê Đình H được bổ nhiệm làm Giám đốc chi nhánh Agribank C, nên ông H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự và Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A.

Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng L với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được khấu trừ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai số 0002790 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A còn phải nộp thêm 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND TP P;
- Chi cục THADS P;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa KT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đình Sớm